

Nguyễn Thu Luân (2024). Tháo gỡ nút thắt để thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực công nghệ cao của Việt Nam. *Tạp chí nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 02(2024),162-167

*Tạp chí Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển*

Tháo gỡ nút thắt để thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực công nghệ cao của Việt Nam

© Học viện
Chính sách
và Phát triển 2024
© CSR, 2024

Bài báo khoa học

Nguyễn Thu Luân (ThS.NCS)

Viện Đào tạo Quốc tế - Học viện Chính sách và Phát triển

Email: thuluanrc@gmail.com

Tóm tắt:

Trong nhiều năm liền, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của Việt Nam, mà nổi bật là công nghệ cao, đứng đầu trong các ngành, lĩnh vực thu hút FDI. Bài viết đánh giá thực trạng việc thu hút và triển khai dự án FDI trong lĩnh vực công nghệ cao, từ đó đề xuất giải pháp hướng tới mục tiêu phát triển Việt Nam thành một nước công nghiệp hiện đại.

Ngày nhận bài:
28/7/2024
Bản sửa lại lần 1:
05/9/2024
Ngày duyệt bài:
15/9/2024

Mã số: TC150224

Từ khóa: FDI, công nghệ cao, nhà đầu tư, nguồn nhân lực

Abstract:

For many consecutive years, Vietnam's processing and manufacturing industry, notably high technology, has ranked first among industries attracting FDI. The article evaluates the current situation of attracting and implementing FDI projects in the high-tech sector, thereby proposing solutions towards the goal of developing Vietnam into a modern industrialized nation.

Keywords: FDI, high technology, investors, human resources

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đã bước đầu đón dòng vốn đầu tư mới trong lĩnh vực công nghệ cao, như: Intel, Samsung... Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là các dự án CNC tại Việt Nam vẫn chỉ dừng lại ở những khâu sản xuất nhỏ hoặc thử nghiệm, chưa chiếm một thị phần quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu về các sản phẩm công nghệ...

Trước bối cảnh quốc tế và trong nước đang có nhiều thay đổi nhanh, phức tạp, khó lường, cần đánh giá toàn diện thực trạng thu hút FDI trong lĩnh vực công nghệ cao và thúc đẩy chuyển giao

công nghệ cũng như định vị vai trò của các doanh nghiệp trong nước khi tiếp nhận các công nghệ mới của doanh nghiệp FDI.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập dữ liệu:

Đối với các dữ liệu thứ cấp: bên cạnh việc thu thập thông tin và số liệu đã công bố (báo cáo khoa học, báo chí, hội nghị, đề tài, hội thảo, niên giám thống kê của Việt Nam), tác giả thu thập dữ liệu thứ cấp về FDI từ Tổng cục Thống kê (GSO), các Bộ/Ngành hữu quan (Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương,...).

Đối với số liệu sơ cấp: Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả dự kiến thực hiện điều tra khảo sát bằng phỏng vấn xin ý kiến đối với đối tượng là cán bộ, quản lý về đầu tư nước ngoài.

Phương pháp phân tích dữ liệu:

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp cả phương pháp phân tích định lượng kết hợp

với phân tích định tính trong nghiên cứu thực trạng về thu hút FDI ngành CNC ở Việt Nam.

3. Thực trạng thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao

Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn FDI thực hiện tính tới ngày 20/3/2024 ước tính đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 6,17 tỷ USD, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo dẫn đầu trong số các ngành, lĩnh vực về cả số lượng dự án FDI và tổng vốn đăng ký (Bảng 1). Đây cũng là ngành sản xuất có vị trí then chốt trong nền kinh tế và có tác động lan tỏa mạnh đến các ngành công nghiệp khác.

Bảng 1: Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo ngành (Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/03/2024)

STT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (Triệu USD)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	17.126	287.480,98
2	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1.155	70.062,98
3	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	194	40.653,40
4	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	993	14.353,69
5	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	7.219	11.204,44
6	Xây dựng	1.821	10.924,64
7	Vận tải kho bãi	1.111	6.168,67
8	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	4.549	5.472,58
9	Thông tin và truyền thông	2.970	5.122,74

10	Khai khoáng	107	4.892,57
11	Giáo dục và đào tạo	694	4.633,60
12	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	536	3.915,55
13	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	146	3.231,41
14	Cấp nước và xử lý chất thải	87	3.159,48
15	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	158	1.764,50
16	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	633	1.076,70
17	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	100	931
18	Hoạt động dịch vụ khác	152	769,51
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình	7	11,07
Tổng		39.758	475.829,53

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài

Ngoài ra, doanh nghiệp Việt Nam có nhiều cơ hội tham gia sân chơi quốc tế ngay trên thị trường trong nước, đi từ bước rất nhỏ - sản xuất lắp ráp giản đơn và kiểm định chất lượng. Chính nhờ các dự án FDI vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nói chung và công nghệ cao nói riêng đã dần thay đổi hoàn toàn sự vận hành và sản xuất trong nước, chuyên dịch sang những lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao với hàm lượng chất xám tương ứng. Các sản phẩm chế biến, chế tạo “Made in Vietnam” được nâng lên một tầm mới,

giúp Việt Nam trở thành quốc gia nhóm đầu trong xuất khẩu công nghệ cao (điện tử, vi mạch...). Trong nhóm 5 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu chiếm tỷ trọng lớn của Việt Nam, thì mặt hàng thiết bị điện, điện tử, máy tính và linh kiện trở thành mặt hàng quan trọng nhất trong sản xuất công nghiệp. Tính đến quý I/2024, mặt hàng máy tính, linh kiện điện tử dẫn đầu ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, với 15,7 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ (Bảng 2).

Bảng 2: Trị giá một số mặt hàng xuất khẩu quý I/2024

	Ước tính (Triệu USD)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)
Các mặt hàng đạt giá trị trên 5 tỷ USD		
Điện tử, máy tính và linh kiện	15.693	30,3
Điện thoại và linh kiện	14.713	9,7
Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	10.876	10,2
Dệt, may	7.757	7,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê

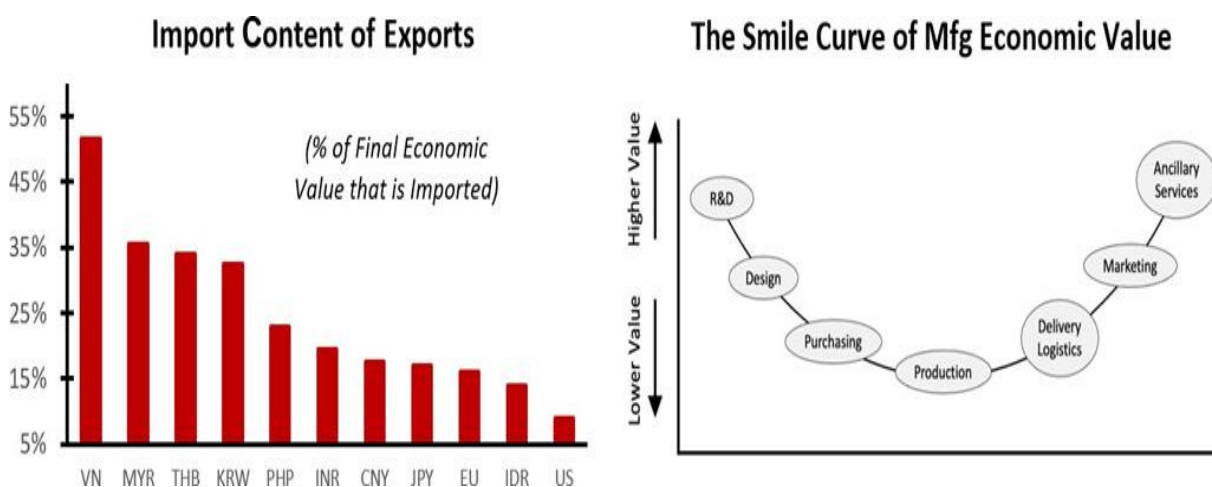
Bộ mặt của ngành công nghiệp điện tử thay đổi từ các dự án FDI mang tính chất lượng và chiến lược lâu dài hơn. Động lực chính để các doanh nghiệp FDI thành lập nhà máy công nghệ cao ở Việt Nam là: chi phí nhân công thấp, lực lượng lao động dồi dào và sự gần gũi về địa lý của đất nước với chuỗi cung ứng công nghệ cao ở châu Á. Hơn nữa, tình hình căng thẳng Mỹ - Trung đã đẩy quá trình chuyển dịch FDI từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện nay, những lợi thế thu hút FDI giai đoạn đầu không còn nhiều. Cụ thể, lao động giá rẻ không còn rẻ nữa vì chi phí tiền lương ngày càng tăng, điều đó làm thu hẹp khoảng cách lợi thế thu nhập giá rẻ so với các nước trong khu vực.

Đó là chưa kể, hiện nay Việt Nam còn thiếu lao động có kinh nghiệm và trình độ cao để đáp ứng cho nhu cầu của doanh nghiệp FDI. Một nút thắt quan trọng ảnh hưởng tới quá trình thu hút FDI vào công nghệ cao của Việt Nam là trình độ lao

động chỉ đáp ứng những ngành đòi hỏi kỹ năng lao động cơ bản, lao động phổ thông, chứ chưa đáp ứng lĩnh vực công nghệ cao (công nghệ bán dẫn).

Theo báo cáo về Chỉ số khả năng sản xuất sản phẩm phức tạp (ECI) do Đại học Harvard tính toán: Việt Nam dù là một trong những nước tiến bộ nhanh nhất trong gần 20 năm qua, nhưng chỉ xếp hạng chỉ số ECI đứng thứ 70/190 trên thế giới, chỉ cao hơn Indonesia, Lào và Campuchia và sau Malaysia, Thái Lan và Philippines. Mặt khác, trong mô hình đường cong nụ cười để mô tả chuỗi giá trị lắp ráp công đoạn, hầu hết các nhà máy của các tập đoàn công nghệ ở Việt Nam đang thực hiện đang nằm ở đáy đường cong (Hình), đồng nghĩa với tỷ trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu thấp, giá trị gia tăng đạt mức thấp nhất. Một minh chứng là một chiếc Smartphone của Samsung khâu lắp ráp kiểm thử tại Việt Nam chỉ chiếm 5% giá của giá thành sản phẩm (Michael Kokalari, 2022).



Hình 1: Mô hình minh họa chỉ số ECI và đường cong nụ cười

Nguồn: Michael Kokalari, 2022

Một thực tế cũng cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng đa phần có quy mô nhỏ và vừa, bản chất là công nghệ rất thấp và không thể một sớm một chiều tiếp thu được công nghệ tiên tiến của thế giới, chưa đủ kỹ năng, kiến thức để chuyển từ lắp ráp sang sản xuất.

Ngoài ra, các nhà đầu tư nước ngoài vào công nghệ cao mới dừng lại ở khâu đóng gói, lắp ráp, chế tạo đơn thuần. Việc cập nhật công nghệ, tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) còn hạn chế; mục tiêu về chuyển giao công nghệ chưa đạt được như mong đợi; sự lan tỏa công nghệ từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn tới; liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước chưa chặt chẽ...

Đó là chưa kể, thuế tối thiểu toàn cầu đã bắt đầu lộ trình thực hiện tại Việt Nam kể từ ngày 01/01/2024. Khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu, thì tất cả các doanh nghiệp đa quốc gia đều chịu thuế suất tối thiểu 15%, điều đó phần nào sẽ làm giảm sức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt nhà đầu tư.

4. Một số giải pháp

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế nhằm thúc đẩy thu hút FDI vào lĩnh vực công nghệ cao, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách thu hút, khuyến khích nguồn vốn FDI cho công nghệ cao

Việt Nam cần hoàn thiện các luật chuyên ngành liên quan trực tiếp đến công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; sửa đổi cơ chế, chính sách để khuyến khích doanh nghiệp thành lập các trung tâm R&D, có cơ chế về ưu đãi đất, thuế, tiêu chí về nguồn nhân lực, dự án đầu tư... Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về đầu tư nước ngoài phù hợp với xu hướng phát triển, tiếp cận chuẩn mực tiên tiến quốc tế và hài hòa với thông lệ quốc tế; chủ động rà soát các ưu đãi để thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao, trong đó có tiêu chuẩn cao hơn cho công nghệ cao và chuyển giao công nghệ.

Việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu với thuế suất 15% sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách ưu đãi, thu hút FDI của Việt Nam. Điều này có thể gây xáo trộn chiến lược về địa điểm đầu tư và cách thức hoạt động của các công ty đa quốc gia. Do đó, Chính phủ cần đánh giá các gói hỗ trợ dành cho doanh nghiệp và đưa ra các biện pháp thay thế, giúp họ duy trì sự hiện diện sau khi áp dụng thuế này. Ngoài ra, để thay đổi tư duy tiếp cận thu hút FDI chất lượng cao, cần bỏ cách tiếp cận ưu đãi thuế trong chiến lược thu hút FDI, tạo lập môi trường cạnh tranh công bằng và bình đẳng.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Công nghệ cao là ngành đặc thù, đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao, cần thời gian dài tích lũy kinh nghiệm và đào tạo bằng thực tế trải nghiệm với mô hình tiên tiến, hiện đại. Do đó, nâng cao trình độ nhân lực sẽ giúp Việt Nam có thể tham gia sâu

hơn trong khâu sản xuất của doanh nghiệp FDI. Để phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, cần chú trọng đào tạo kỹ năng nghề và kỹ năng mềm cho lực lượng lao động trực tiếp trong lĩnh vực công nghệ.

Mặt khác, mỗi DN hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và sản xuất công nghệ cao cần chủ động bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ nhân sự bằng nhiều cách, như: tổ chức đào tạo ngay từ khi mới tuyển dụng hoặc phối hợp với các cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý nhà nước để tổ chức đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho từng vị trí việc làm phù hợp.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam cần cũng chủ động cung cấp

chương trình giảng dạy mới nhất, cung cấp phần mềm thiết kế, hợp tác với các trường đại học nhằm giúp sinh viên làm quen công nghệ ngay từ khi đang học.

Thứ ba, cần xây dựng khối kinh tế tư nhân

Với những doanh nghiệp đủ sức đồng hành cùng doanh nghiệp FDI trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ đủ chất lượng để có thể tham gia vào các công đoạn sản xuất của nhà đầu tư nước ngoài, bù đắp sự thiếu hụt linh kiện, trở thành môi trường hấp dẫn thu hút và giữ chân dòng vốn FDI./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Đầu tư nước ngoài (2024), *Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài 3 tháng đầu năm 2024*.

2. Jinho Choi, Marthe M. Hinojales, Seung Hyun (Luke) Hong and Jade Vichyanond (2021), *The Role of Vietnam's FDI Inflows in Global Value Chains Participation and Economic Growth*, Working Paper (WP/21-02).

3. Michael Kokalari (2022), *High-Tech FDI Is Driving Vietnam's Economic Evolution*, Vina Capital.

4. Quy Nguyen et al. (2020), *Attracting the Foreign Direct Investment (FDI) in High*

Technology Farming towards Green Growth in Vietnam, in Conference: International Conference Climate Change and Sustainability Management in Vietnam and Taiwan.

5. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (2023), *Báo cáo đổi mới sáng tạo và đầu tư công nghệ Việt Nam 2023*.

6. Tổng cục Thống kê (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý I năm 2024*.

7. Vinh Tuong Phi, Khanh Hung The role of foreign direct investment in technology development in Vietnam, *Cogent Social Sciences*, 10(1), 2300514, DOI: 10.1080/23311886.2023.2300514.